

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/KDTM-PT

Ngày: 08/8/2024

V/v tranh chấp: “Hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Hoàng Khải**.

Các Thẩm phán: Ông **Lê Thanh Vân**;

Ông **Trương Vĩnh Hữu**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Thành** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà **Trần Thị Ngọc Thức** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2024/TLPT-KDTM ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 06/2024/KDTM-ST ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 302/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A;

Trụ sở chính: Tầng 1,2,3 Tòa nhà G, số C H, phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Đào Mạnh K** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông **Nguyễn Q** - Chức vụ: Trưởng ban xử lý nợ.

Địa chỉ: Số A, đường P, Phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 01/10/2021) (BL 311).

Đại diện theo ủy quyền lại cho:

1.1. Anh Hồ Trung T, sinh năm: 1992; (có mặt)

1.2. Anh Nguyễn Nguyên T1, sinh năm: 1999; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số A, đường P, Phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh
(Văn bản ủy quyền ngày 13 tháng 6 năm 2023) (BL 223).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Dương H, sinh năm 1979; (có mặt)

Địa chỉ: 8 N, phường P, thành phố T, TP . (Giấy ủy quyền được công chứng ngày 17/7/2024).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Huỳnh Mỹ H1, sinh năm: 1968;

Địa chỉ: ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền:

Chị Nguyễn Thị Ngọc H2, sinh năm: 1991; (vắng mặt)

Địa chỉ: A đường N, phường C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (Văn bản ủy quyền ngày 11 tháng 6 năm 2022) (BL 191)

Ông Dương H, sinh năm 1979; (có mặt)

Địa chỉ: 8 N, phường P, thành phố T, TP . (Giấy ủy quyền được công chứng ngày 17/7/2024).

4. Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Thị Mỹ N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Mỹ H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

** Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 4 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A là anh Hồ Trung T và anh Nguyễn Nguyên T1 trình bày:*

Ngày 31 tháng 7 năm 2017 Ngân hàng thương mại cổ phần A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có ký hợp đồng cho vay hạn mức số 3080/17/TD/XXVI ngày 31 tháng 07 năm 2017 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp hạn mức số SĐBS.01-3080/17/TD/XXVI ngày 21 tháng 9 năm 2017 cho chị Nguyễn Thị Mỹ N vay số tiền 15.000.000.000 đồng nhưng thực tế Ngân hàng giải ngân cho chị N số tiền 13.248.900.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, mục đích vay là để chị N bổ sung vốn kinh doanh, lãi suất cho vay được quy định trong từng giấy nhận nợ. Khi chị N vay tiền Ngân hàng; ông Đặng Chí T2, bà Võ Thị Thanh T3, bà Huỳnh Mỹ H1, ông Nguyễn Văn N1, chị Nguyễn Thị Mỹ N, anh Nguyễn Huỳnh Minh N2 có ký hợp đồng thế chấp số 3080A/17/TC/XXVI ngày 31 tháng 7 năm 2017, số 3080B/17/TC/XXVI ngày 31 tháng 7 năm 2017 và số 3080C/17/BL/XXVI ngày 21 tháng 9 năm 2017 để thế chấp tài sản nhằm bảo đảm khoản vay của chị N. Hiện nay

các tài sản bảo đảm theo đồng thế chấp số 3080A/17/TC/XXVI ngày 31 tháng 7 năm 2017, số 3080B/17/TC/XXVI ngày 31 tháng 7 năm 2017 Ngân hàng đã giải chấp cho ông Đặng Chí T2 và bà Võ Thị Thanh T3 còn tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp 3080C/17/BL/XXVI ngày 21 tháng 9 năm 2017 Ngân hàng đã bán đấu giá với số tiền 8.440.844.000 đồng để thu hồi nợ trừ vào số tiền vốn chị N đã vay Ngân hàng. Quá trình thực hiện hợp đồng chị N đã trả tiền vốn cho Ngân hàng số tiền 8.440.844.000 đồng thông qua bán đấu giá tài sản thế chấp, trả lãi số tiền là 169.514.150 đồng. Tính đến ngày xét xử chị N còn nợ Ngân hàng số tiền vốn, lãi tổng cộng là 11.822.944.415 đồng (trong đó tiền vốn là 4.808.056.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 297.422.606 đồng, tiền lãi quá hạn là 6.717.465.809 đồng).

Nay Ngân hàng yêu cầu chị Nguyễn Thị Mỹ N trả số tiền 11.822.944.415 đồng làm 01 lần.

* Tại bản tự khai, bản tự khai bổ sung và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H2 đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Mỹ H1 trình bày:

Chị không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng vì chị N vay tiền Ngân hàng với tư cách là doanh nghiệp tư nhân, không phải cá nhân chị N và ngày 14 tháng 9 năm 2018 cha mẹ chị N đã bàn giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng để xử lý thanh toán cho khoản nợ xem như chị N đã trả xong nợ cho Ngân hàng, việc Ngân hàng không bán được tài sản để thu hồi nợ là lỗi của phía Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện chị N là không có cơ sở.

* **Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số:** 06/2024/KDTM-ST ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A (A1).

1.1 Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ N phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền vay vốn lãi tổng cộng là 11.822.944.415 đồng (mười một tỷ tám trăm hai mươi hai triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm mười lăm đồng), trả làm 01 lần.

1.2 Kể từ ngày Ngân hàng thương mại cổ phần A có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Nguyễn Thị Mỹ N chậm thi hành đối với số tiền trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi theo hợp đồng cho vay hạn mức số 3080/17/TD/XXVI ngày 31 tháng 07 năm 2017 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp hạn mức số SDBS.01-3080/17/TD/XXVI ngày 21 tháng 9 năm 2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, bị đơn Nguyễn Thị Mỹ N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Mỹ H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 02/5/2024, chị Nguyễn Thị Mỹ N và bà Huỳnh Mỹ H1 gửi đơn kháng cáo bổ sung như sau:

- Yêu cầu tính lại lãi và vốn, trừ khoản lãi của thời gian Ngân hàng không đưa tài sản đấu giá 32 tháng kể từ ngày bàn giao (14/9/2018).

- Yêu cầu xác định thiệt hại do Ngân hàng không bảo quản tài sản bị xuống cấp từ 11.436.772.881 đồng theo giá lần đầu xuống còn 8.407.079.000 đồng khi đấu giá lần 5: Giảm 3.029.693.881 đồng để khấu trừ cho D1.

- Yêu cầu xác định khoản nợ Ngân hàng là của D1 không phải của cá nhân Nguyễn Thị Mỹ N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Dương H là người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Mỹ N và bà Huỳnh Mỹ H1 thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo là đồng ý trả 4.808.056.000 đồng tiền vốn và chịu lãi từ ngày vay đến ngày bàn giao tài sản thế chấp (14/9/2018) cho ngân hàng xử lý thu hồi nợ. Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giữ y án sơ thẩm đã xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng đúng luật định.

Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận định: Tòa sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A buộc chị Nguyễn Thị Mỹ N trả cho Ngân hàng A số tiền vốn và lãi là 11.822.944.415 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, án sơ thẩm tuyên phần nghĩa vụ chậm thi hành án phải chịu thêm khoản lãi theo hợp đồng cho vay hạn mức ngày 31/7/2017 và ngày 21/9/2017 là chưa phù hợp. Vì vậy, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị N và bà H1, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm về nghĩa vụ chậm thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, nghe các đương sự phát biểu tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phân tích, đề nghị. Xét thấy:

[1] Chị Nguyễn Thị Mỹ N và bà Huỳnh Mỹ H1 thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định đúng theo các Điều 271, 272, 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xét xử phúc thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần A ủy quyền cho anh Hồ Trung T và Nguyễn Nguyên T1, bà Huỳnh Mỹ H1 ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Ngọc H2 và anh Dương H, chị Nguyễn Thị Mỹ N ủy quyền cho anh Dương H đại diện tham gia tố tụng. Việc ủy quyền được thực hiện theo Điều 85, Điều 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị Mỹ N trả cho Ngân hàng số tiền vay còn nợ và lãi phát sinh theo hợp đồng vay hạn mức số 3080/17/TD/XXV1 giữa Ngân hàng TMCP A với chị Nguyễn Thị Mỹ N được ký ngày 31/7/2017 và ngày 21/9/2017. Đây là tranh chấp kinh doanh thương mại về lĩnh vực tín dụng thuộc thẩm quyền và phạm vi giải quyết theo Điều 5, khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố Tụng dân sự. Các Điều 351, 352, 463, 466 của Bộ luật Dân sự và Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[3] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu giải quyết:

Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 31/7/2017 Ngân hàng TMCP A (viết tắt là Ngân hàng A) và chị Nguyễn Thị Mỹ N có ký hợp đồng tín dụng số 3080/17/TD/XXV1 và hợp đồng sửa đổi bổ sung ngày 21/9/2017 cho chị Mỹ N vay số tiền 15.000.000.000 đồng với lãi suất cho vay được quy định trong từng giấy nhận nợ (giải ngân). Thời hạn giải ngân là 12 tháng. Mục đích cho chị N vay để bổ sung vốn kinh doanh. Nhưng thực tế sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng chỉ giải ngân cho chị N vay tổng cộng 13.248.900.000 đồng. Khi cho vay phía chị N có lập hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 31/7/2017 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 21/9/2017 (BL 103 và 129).

Do sau khi cho vay giải ngân số tiền 13.248.900.000 đồng thì chị N không trả vốn và lãi theo hợp đồng nên hai bên lập biên bản thỏa thuận giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng bán đấu giá thu hồi nợ và tiến hành lập biên bản bàn giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng A xử lý (BL 59-61). Sau khi nhận tài sản thế chấp, Ngân hàng A ký hợp đồng giao Công ty đấu giá hợp danh bất động sản V tổ chức bán đấu giá vào ngày 03/6/2021 được 8.507.097.000 đồng. Trừ đi các chi phí đấu giá còn lại 8.440.844.000 đồng Ngân hàng thu hồi trừ vào vốn và trước đó chị N trả lãi được 282.253.069 đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị N tiếp tục trả cho Ngân hàng 4.808.056.000 đồng tiền vốn và trả lãi (trong hạn 297.422.606 đồng + quá hạn 6.747.465.809 đồng) tổng cộng 11.822.944.415 đồng.

[4] Về phía bị đơn Nguyễn Thị Mỹ N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Huỳnh Mỹ H1 do anh Dương H làm đại diện theo ủy quyền thì không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng với lý do: Chị N vay tiền của Ngân hàng với tư cách doanh nghiệp tư nhân không phải cá nhân chị N. Khi vay chị N có thế chấp tài sản bảo đảm. Ngày 14/9/2018 phía chị N và gia đình chị đã lập biên bản thỏa thuận và bàn giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng xử lý thu hồi nợ xem như chị N đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Việc Ngân hàng không bán được tài sản để kéo dài là lỗi của Ngân hàng.

Án sơ thẩm xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc chị N có nghĩa vụ trả vốn và lãi cho ngân hàng số tiền 11.822.944.415 đồng nhưng chị Nguyễn Thị Mỹ N và bà Huỳnh Mỹ H1 không đồng ý nên kháng cáo. Xét yêu cầu kháng cáo của chị N và bà Mỹ H1 nhận thấy:

[5] Ngày 31/7/2017 Ngân hàng thương mại cổ phần A chi nhánh T4 (gọi tắt là A2) có ký Hợp đồng số 3080/17/TD/XXV1 cho chị Nguyễn Thị Mỹ N vay hạn mức 1.945.600.000 đồng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh (BL 109). Khi cho chị N vay thì cùng ngày ngân hàng A1 cũng lập hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3080/17/TC/XXV1 của ông Đặng Chí T2 để bảo đảm cho hợp đồng vay của chị N (BL 129).

Ngày 21/9/2017 giữa Ngân hàng A1 với chị N tiếp tục ký hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số SDBS.01. 3080/17/TD/XXV1 nâng mức tín dụng cho chị N vay 15.194.600.000 đồng (BL 96). Để bảo đảm cho khoản vay nói trên ngày 21/9/2017 bà Huỳnh Mỹ H1 và ông Nguyễn Văn N1, chị Nguyễn Thị Mỹ N, anh Nguyễn Huỳnh Minh N2 cùng lập hợp đồng số 3080C/17/BL/XXV1 thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất bảo lãnh cho chị N vay theo hợp đồng tín dụng đã ký (BL 136). Đến ngày 31/01/2018 chị Nguyễn Thị Mỹ N với chồng là Lê Thanh D cùng ký hợp đồng sửa đổi bổ sung thế chấp tài sản cho Ngân hàng A chi nhánh T4 đảm bảo cho Doanh nghiệp tư nhân D1 vay vốn ngân hàng (khoản tiền bảo đảm nghĩa vụ là 421.000.000 đồng) (BL 94).

Ngày 07/02/2018 Ngân hàng giải ngân cho chị N ký giấy nhận nợ 8.000.000.000 đồng và ngày 20/3/2018 Ngân hàng giải ngân cho chị N ký giấy nhận nợ 5.248.900.000 đồng (BL 177- 178), tổng cộng 13.248.900.000 đồng.

Theo các hợp đồng vay hạn mức tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng A đều thể hiện chị Nguyễn Thị Mỹ N với tư cách là chủ doanh nghiệp tư nhân D1.

[6] Qua hai lần Ngân hàng giải ngân cho chị Mỹ N ký giấy nhận nợ 13.248.900.000 đồng. Sau khi ký nhận nợ lần thứ hai được 20 ngày thì chị Mỹ N lập hợp đồng tặng cho Doanh nghiệp tư nhân D1 (do chị đăng ký giấy phép kinh doanh) cho bà Huỳnh Mỹ H1. Hợp đồng được Văn phòng C công chứng ngày 09/4/2018 (Bl 76). Đến ngày 11/4/2018 bà Huỳnh Mỹ H1 được Sở kế hoạch đầu tư cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tư nhân mang tên Doanh nghiệp tư nhân D1 do bà Huỳnh Mỹ H1 làm chủ (Bl 77). Tiếp theo sau, chị Mỹ N lập giấy ủy quyền cho bà Mỹ H1 đến Ngân hàng A1 xử lý các khoản nợ của Chủ doanh nghiệp tư nhân D1 theo các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản với ngân hàng. Giấy ủy quyền được Văn phòng C công chứng ngày 22/6/2018 (BL 82).

Do sau khi vay chị Mỹ N không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên vào ngày 14/9/2018 Ngân hàng thương mại cổ phần A và Doanh nghiệp tư nhân D1 lập biên bản thỏa thuận xử lý tài sản thế chấp thu hồi nợ (BL 59). Đồng thời lập biên bản bàn giao tài sản thế chấp của Doanh nghiệp tư nhân D1 cho Ngân hàng thương mại cổ phần A xử lý (BL 61).

[7] Theo hồ sơ thể hiện sau khi nhận bàn giao tài sản thế chấp để xử lý thu hồi nợ vào ngày 14/9/2018 đến ngày 29/7/2020 Ngân hàng A mới ký hợp đồng dịch vụ đấu giá với Công ty đấu giá hợp danh bất động sản V với giá khởi điểm quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 11.436.772.881 đồng (BL 243). Nhưng qua nhiều lần mở bán đấu giá không thành, đến ngày 03/6/2021 mới đấu giá thành công với khách hàng trúng đấu giá là 8.507.097.000 đồng (BL 304). Sau khi trừ chi phí dịch vụ đấu giá còn lại 8.440.844.000 đồng Ngân hàng trừ vào vốn vay nên còn nợ 4.808.056.000 đồng.

Theo bản xác nhận dư nợ khách hàng của Ngân hàng về hai khoản tiền vay của chị Mỹ N là 13.248.900.000 đồng. Số tiền lãi phát sinh từ ngày 07/02/2018 đến ngày 05/4/2024 là 7.014.888.415 đồng (trong đó lãi trong hạn 297.422.606 đồng, lãi quá hạn 6.717.465.809 đồng) nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị Mỹ N trả vốn, lãi 11.822.944.415 đồng. Còn Bản liệt kê tình hình nợ của khách hàng Nguyễn Thị Mỹ N do Ngân hàng cung cấp thể hiện:

A/ Nợ gốc 8.000.000.000 đồng đã trả xong ngày 10/6/2021, lãi phải trả 3.312.140.274 đồng, lãi đã thu 203.511.233 đồng, còn nợ 3.108.629.041 đồng.

B/ Nợ gốc 5.248.900.000 đồng, đã trả vào ngày 10/6/2021 là 440.844.000 đồng, còn nợ 4.808.056.000 đồng. Lãi phải trả 2.709.936.386 đồng. Lãi đã thu 78.741.863 đồng. Nếu như vậy thì số lãi còn lại phải trả cho khoản nợ này chỉ bằng 2.631.194.523 đồng nhưng ngân hàng lại tính còn nợ 3.906.259.375 đồng. Do đó việc ngân hàng yêu cầu chị N trả lãi không phù hợp và mâu thuẫn với chính tài liệu ngân hàng cung cấp (BL 313-314).

Qua xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy:

[8] Về tố tụng: Ngày 31/7/2017 ông Đặng Chí T2 có ký hợp đồng thế chấp tài sản quyền sử dụng đất cho Ngân hàng A để đảm bảo hợp đồng vay của chị Nguyễn Thị Mỹ N (BL 129). Ngày 21/9/2017 bà Huỳnh Mỹ H1, ông Nguyễn Văn N1, chị Nguyễn Thị Mỹ N, anh Nguyễn Huỳnh Minh N2 cùng ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho Ngân hàng A và ngày 31/01/2018 chị Mỹ N cùng chồng là Lê Thanh D ký hợp đồng thế chấp tài sản cho Ngân hàng A để đảm bảo hợp đồng vay của chị Mỹ N. Nhưng khi giải quyết vụ án Tòa sơ thẩm không đưa ông Đặng Chí T2, ông Nguyễn Văn N1, anh Nguyễn Huỳnh Minh N2 và anh Lê Thanh D vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa sơ thẩm cũng không làm rõ tài sản ông Đặng Chí T2, anh Lê Thanh D thế chấp được xử lý như thế nào. (Mặc dù tại phiên Tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày chị N và Ngân hàng đã thỏa thuận giải chấp tài sản của ông Chí T2 và anh D xong nhưng trong hồ sơ không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc giải chấp hoặc đã được xử lý (BL 330))

Trong hồ sơ cũng không có hợp đồng bán đấu giá tài sản. Không có biên bản bán đấu giá. Không có thông báo kết quả bán đấu giá cho chủ sở hữu tài sản biết. Tòa án thụ lý ngày 04/11/2022 đến ngày 04/01/2023 Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án (02 tháng), không có quyết định gia hạn theo điểm b, khoản 1, Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không có quyết định của Chánh án

phân công Hội thẩm nhân dân tham gia Hội đồng xét xử vụ án theo điểm b, khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Phiên Tòa ngày 25/01/2024 HĐXX Quyết định tạm ngừng nhưng không có biên bản thảo luận. Khi hết thời gian tạm ngừng phiên tòa, Thẩm phán tự ra quyết định tạm đình chỉ (BL 231) không đúng với mẫu 46-DS ban hành kèm theo Nghị quyết 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13/01/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Vi phạm khoản 2 Điều 259 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9] Về nội dung: Tòa sơ thẩm chưa làm rõ vì sao Ngân hàng A nhận bàn giao tài sản thế chấp từ bà Mỹ H1, ông N1, anh N2 vào ngày 14/9/2018 để xử lý thu hồi nợ (BL 61) nhưng mãi đến ngày 29/7/2020 Ngân hàng mới ký hợp đồng với Công ty đấu giá hợp danh bất động sản V đưa tài sản thế chấp ra bán đấu giá trong khi chị N vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng nên đã bàn giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng xử lý thu hồi nợ từ ngày 14/9/2018, kéo dài gần 22 tháng. Việc Ngân hàng kéo dài thời gian đưa tài sản thế chấp ra bán đấu giá mà vẫn buộc chị N chịu lãi kể cả lãi quá hạn đã gây bất lợi, thiệt hại cho chị N.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị N trả 297.422.606 đồng tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là 6.717.465.809 đồng nhưng trong bảng liệt kê chỉ ghi cột lãi suất chung, không phân định đâu là lãi trong hạn đâu là lãi quá hạn để chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn được Tòa sơ thẩm chấp nhận toàn bộ là không đảm bảo chứng cứ khách quan. Tại phiên Tòa phúc thẩm, đại diện của Ngân hàng cũng không chứng minh được lãi quá hạn của từng khoản vay được giải ngân.

Do cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng và thiếu sót về nội dung chưa được làm rõ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung khắc phục được nên cần hủy án sơ thẩm chuyển hồ sơ cho Tòa sơ thẩm giải quyết lại đúng theo luật định. Vì vậy chưa xét các yêu cầu kháng cáo của chị Mỹ N và bà Mỹ H1.

[10] Về án phí: Bà Mỹ H1 và chị N không phải chịu án phí phúc thẩm nên được trả lại. Án phí sơ thẩm được tính lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như Tòa án nhận định nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xử:

1. Hủy bản án kinh doanh thương mại số 06/2024/KDTM-ST ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Chuyển hồ sơ vụ án cho TAND huyện C, tỉnh Tiền Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm đúng luật định.

2. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Mỹ N và bà Huỳnh Mỹ H1 không phải chịu án phí DSPT nên được trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp:

+ Trả lại bà Huỳnh Mỹ H1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015188 ngày 09/4/2024 của Chi cục THADS huyện C, tỉnh Tiền Giang.

+ Trả lại chị Nguyễn Thị Mỹ N 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015189 ngày 09/4/2024 của Chi cục THADS huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Án phí DSST được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Mai Hoàng Khải